

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Huyền Thanh.

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Khuru Thảo L, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: ấp ĐK, xã VAĐ, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Khương Ngọc C, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm S, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau; (Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Năm Căn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Khuru Thảo L trình bày: Chị và anh Khương Ngọc C tự nguyện kết hôn vào tháng 02/2020 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng không hợp nhau, hôn nhân không hạnh phúc, anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ham chơi, bỏ bê vợ con. Thời gian gần đây còn đến chỗ làm của chị kiếm chuyện đánh chị. Nay chị xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống và chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Khuru Quỳnh Mẫn N, sinh ngày 21/4/2020 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Khương Ngọc C trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện kết hôn năm 2020 và đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng nên đồng ý thuận tình ly hôn với chị L.

+ Về con chung: Có 01 con chung như chị L trình bày trên là đúng. Hiện nay anh không có điều kiện nuôi con nên đồng ý giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung thống nhất ý kiến chị L đặt ra nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L và anh C trình bày phù hợp nhau là tự nguyện kết hôn năm 2020 theo phong tục tập quán, có tổ chức lễ cưới và đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2021 cho đến nay không hàn gắn chung sống lại được. Nay chị L và anh C xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được nên đồng ý thuận tình ly hôn cần được công nhận. Tuy nhiên, anh chị tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*", đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị L, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[2] Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Khuu Quỳnh Mẫn N, sinh ngày 21/4/2020 hiện do chị L nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Khuru Thảo L và anh Khương Ngọc C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Khuru Quỳnh Mẫn N, sinh ngày 21/4/2020 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu 300.000 đồng, chi dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0015759 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Quốc Kiên